

Bản án số: 121/2022/HS-PT

Ngày 16 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: : Ông Nguyễn Cảnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 581/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo **Hoàng Trọng L** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo kháng cáo: **Hoàng Trọng L**, sinh năm 1981 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 7, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng L, sinh năm 1959 và bà Trần Thị S, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và 02 người con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006); tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2007, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 195/2007/HS-ST ngày 06/9/2007 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; từ tháng 6/2010 đến đầu năm 2011 thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” sau đó bỏ trốn đến ngày 13/8/2020 bị bắt theo Quyết định truy nã và tạm giam để điều tra cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Quang T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty PungKook Sài Gòn II (viết tắt là Công ty) là doanh nghiệp 100% vốn Hàn Quốc chuyên sản xuất ba lô, túi xách xuất khẩu, nguyên liệu sản xuất là vải nhập khẩu từ Hàn Quốc.

Lê Vĩnh S làm công nhân tại Công ty PungKook Sài Gòn II từ năm 2003 đến đến năm 2007 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc tại đây, Lê Vĩnh S biết được việc quản lý vải nguyên liệu của Công ty lỏng lẻo nên nảy sinh ý định cấu kết với một số công nhân của Công ty trộm cắp vải đưa ra ngoài bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Thực hiện ý định này, khoảng từ tháng 06/2010, Lê Vĩnh S bàn với một số công nhân đang làm việc trong Công ty gồm: Hoàng Trọng L là Tổ trưởng tổ cắt 2C; Bùi Quang C là Tổ phó tổ cắt 2C; Vũ Phước T là Tổ trưởng tổ cắt 2B; Lê D và Trần Tuấn V là công nhân nhận vải cho tổ cắt 2B; Võ Trường P là công nhân tổ cắt 2B và Phạm Châu K là Giám đốc xưởng 2A của Công ty để hình thành đường dây trộm vải của Công ty đưa ra ngoài bán cho Nguyễn Thanh P, Phan Văn K và các đối tượng tên Hưng (Đen), Huy, Nguyễn (không xác định được lai lịch) với cách thức thực hiện như sau:

Theo yêu cầu của Phan Văn K, Nguyễn Thanh P và Hưng (Đen), Huy, Nguyễn cần mua vải cắt sẵn theo số lượng và các mẫu hàng như Hotshot, Surge, Boxshot, Borealis thì S liên hệ với Vũ Phước T để T điều phối việc lấy trộm vải và cắt vải cho S theo đúng số lượng và mã hàng S yêu cầu. Sau đó, T liên hệ với Hoàng Trọng L, Bùi Quang C, Trần Tuấn V để hàng ngày lấy vải nguyên liệu dư rồi gom lại giao cho T và Võ Trường P cắt thành kích cho S (kích là tám vải cắt thành hình 01 bộ phận của chiếc túi để đưa ra ngoài may gia công thành phẩm).

Nếu số vải lấy nguyên liệu dư không đủ để cắt theo số lượng S yêu cầu thì T kêu Trần Tuấn V đến gặp Lê Xuân H ở kho 2B (Lê Xuân H là người xuất vải cho tổ cắt) để mua vải cây trong kho nơi Lê Xuân H đang làm việc với giá rẻ rồi đem về cho T và Võ Trường P cắt (Vải này Lê Xuân H cũng lợi dụng việc Lê Xuân H xuất vải nên lấy dư số vải theo số lượng trong phiếu xuất để bán cho Trần Tuấn V). Ngoài ra, để có sơ đồ túi theo mã hàng mà S yêu cầu, T liên hệ với Nguyễn Hồng V làm ở bộ phận in ấn sơ đồ để nhờ Vũ in sơ đồ túi cho T đem về để cắt vải kích cho S. Mỗi lần Nguyễn Hồng V in sơ đồ cho T thì S gửi tiền cho T để trả cho Nguyễn Hồng V từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau khi cắt đủ số lượng vải yêu cầu của S thì Vũ Phước T báo cho Lê D biết chỗ để vải đã cắt, đặc điểm nhận biết bao chứa hàng ở các tổ của Vũ Phước T và Hoàng Trọng L cất giấu để Lê D cùng Phạm Châu K, Trần Văn Linh là tài xế lái xe ô tô tải của Công ty và Nguyễn Đình Tuấn là tài xế lái xe nâng trong Công ty trà trộn với hàng của Công ty đem ra

khỏi Công ty giao lại cho S. Với thủ đoạn này từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2011, Hoàng Trọng L cùng đồng bọn đã chiếm đoạt của Công ty số lượng vải nguyên liệu, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 6/2010, đối tượng Hưng (Đen) đặt mua của Lê Vĩnh S số lượng 1000 túi kích mã Surge, S đồng ý nên gọi điện thoại báo cho Vũ Phước T để T cắt cho S. Vũ Phước T kêu Hoàng Trọng L, Bùi Quang C, Trần Tuấn V lấy trộm vải trong tổ cắt 2B và 2C số lượng gồm: 54m vải NY6 1680d BR, 1.394m vải NY6 210d, 736m vải NY6 420d SD để cắt túi kích. Sau đó, Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng rồi Vũ Phước T cắt thành 1000 túi kích mã Surge. Sau khi cắt xong Vũ Phước T kêu Lê D đem số vải kích bỏ vào bịch ni lông và dán tem riêng để phân biệt rồi giấu sau tổ cắt để Phạm Châu K, Trần Văn Linh và Nguyễn Đình Tuấn trà trộn với hàng Công ty mang đi gia công bên ngoài để đem ra khỏi Công ty giao lại cho Lê Vĩnh S. S bán cho Hưng (Đen) được số tiền 35.000.000 đồng, số tiền này S chia cho Hoàng Trọng L và Bùi Quang C 5.541.000 đồng, còn lại S chia cho đồng phạm khác và S tiêu xài cá nhân.

2. Vụ thứ hai: Khoảng tháng 8/2010, Phan Văn K hỏi mua của Lê Vĩnh S 500 túi kích mã BoxShot, S đồng ý và báo cho Vũ Phước T biết. Vũ Phước T cùng với Hoàng Trọng L và Bùi Quang C lấy trộm vải trong tổ cắt 2B và 2C với số lượng: 45m vải NY6 1680D, 620m vải NY6 210d, 263m vải NY 6 420d và 87m vải POLY 600d để cắt túi kích. Sau đó, Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng để Vũ Phước T và Võ Trường P cắt thành 500 túi kích mã BoxShot. Sau khi cắt xong, Vũ Phước T đưa số vải kích trên cho Lê D cùng Phạm Châu K, Trần Văn Linh và Nguyễn Đình Tuấn đem ra khỏi Công ty giao lại cho S, S bán cho Phan Văn K được tổng số tiền là 27.500.000 đồng, số tiền này S chia cho Hoàng Trọng L và Bùi Quang C 1.156.000 đồng, số tiền còn lại S chia cho các đồng phạm khác và S tiêu xài cá nhân.

3. Vụ thứ ba: Khoảng tháng 9/2010, sau khi Lê Vĩnh S nhận bán cho Nguyễn Thanh P đặt mua 500 túi kích mã HotShot, S báo cho Vũ Phước T và Lê D biết để cắt số túi kích trên. Để cắt đủ số lượng túi kích theo yêu cầu của S thì Vũ Phước T, Hoàng Trọng L, Bùi Quang C và Trần Tuấn V lấy trộm vải trong tổ cắt 2B và 2C với số lượng gồm: 57 mét vải NY6 1680d BR, 18 mét vải NY6 1680D, 639 mét vải NY6 210d, 562 mét vải NY6 420d SD, 105,2 mét vải NY6 420d và 34,8 mét vải POLY 600d để cắt túi kích.

Do số vải này không đủ để cắt đủ số lượng túi kích theo yêu cầu của S nên Trần Tuấn V liên hệ với Lê Xuân H để Lê Xuân H lấy trộm vải bán lại cho Vũ. Lê Xuân H lấy 180 mét vải loại NY6 420d SD và 80m vải NY6 210d bán cho Vũ để Vũ đưa lên tổ cắt giao cho Vũ Phước T. Sau khi đủ vải Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng để Vũ Phước T cắt túi kích theo yêu cầu của S. Sau khi cắt đủ 1000 túi kích mã HotShot và 200 túi kích mã BoxShot thì Vũ Phước T lại giao cho Lê D, Phạm Châu K, Trần Văn Linh và Nguyễn Đình Tuấn vận chuyển ra ngoài giao cho S và S mang bán cho Nguyễn Thanh P 500 túi kích

mã Hotshot thu được số tiền 25.000.000 đồng; bán cho Phan Văn K 500 túi kích mã Hotshot thu được số tiền 25.000.000 đồng và 200 túi kích mã BoxShot thu được số tiền 11.000.000 đồng. S chia cho Hoàng Trọng L và Bùi Quang C 3.285.000 đồng, số tiền còn lại S chia cho các đồng phạm khác và S tiêu xài cá nhân.

4. Vụ thứ tư: Khoảng tháng 11/2010, S gọi điện thoại báo cho Vũ Phước T biết có đối tượng tên Huy (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt mua 300 túi kích mã HotShot. Tiếp đó, Vũ Phước T cùng Trần Tuấn V, Võ Trường P, Hoàng Trọng L và Bùi Quang C lấy trộm vải trong tổ cắt 2B và 2C với số lượng gồm: 17,1 mét vải NY6 1680d BR, 141,3 mét vải NY6 210d, 222,6 mét vải NY6 420d SD, Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng để Vũ Phước T cắt thành 300 túi kích mã Hotshot. Vũ Phước T giao số túi kích này cho Lê D, Phạm Châu K, Trần Văn Linh và Nguyễn Đình Tuấn vận chuyển ra ngoài giao cho S và S bán cho đối tượng Huy được số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này S chia cho Hoàng Trọng L và Bùi Quang C 1.048.000 đồng, số tiền còn lại S chia cho các đồng phạm khác và S tiêu xài cá nhân.

5. Vụ thứ năm: Khoảng tháng 3/2011, Nguyễn Thanh P và đối tượng tên Nguyễn (không rõ lai lịch) đặt mua của S 1000 túi kích mã HotShot, S báo cho Vũ Phước T biết, sau đó Vũ Phước T cùng Hoàng Trọng L, Trần Tuấn V, Võ Trường P, Lê D và Bùi Quang C đã lấy trộm vải trong tổ cắt 2B và 2C với số lượng, gồm: 57m vải NY6 1680d BR, 396m vải NY6 210d, 649m vải NY6 420d SD để cắt thành túi kích.

Số vải này không đủ cắt số lượng túi kích theo yêu cầu của S nên Trần Tuấn V mua thêm của Lê Xuân H 93m vải NY6 420d SD và 75m NY6 210d. Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng để Vũ Phước T cắt 1000 túi kích mã Hot Shot đưa cho Lê D, Phạm Châu K, Trần Văn Linh và Nguyễn Đình Tuấn vận chuyển ra ngoài giao cho S, S bán cho đối tượng tên Nguyễn 500 túi và Nguyễn Thanh P 500 túi, được tổng số tiền là 47.500.000 đồng, số tiền này S chia cho Hoàng Trọng L và Bùi Quang C 1.081.000 đồng, số tiền còn lại S chia cho các đồng phạm khác và S tiêu xài cá nhân.

6. Vụ thứ sáu: Khoảng tháng 6/2011, Nguyễn Thanh P đặt mua của S 1000 túi kích mã HotShot và Phan Văn K đặt mua của S 500 túi kích mã BoxShot. S điện thoại cho Vũ Phước T biết, sau đó Vũ Phước T cùng Hoàng Trọng L, Trần Tuấn V, Võ Trường P, Lê D và Bùi Quang C lấy trộm vải trong tổ cắt 2C với số lượng gồm 45 mét vải NY6 1680D; 57mét vải NY6 1680d BR; 891mét vải NY6 210d, 263mét vải NY6 420d, 642mét vải NY6 420d SD và 87mét vải POLY 600d để cắt túi kích.

Do số lượng vải lấy trộm trong tổ cắt không đủ để cắt số túi kích theo yêu cầu của S nên Trần Tuấn V mua thêm của Lê Xuân H 100 mét vải NY6 420d SD và 200 mét vải NY6 210d đưa cho Vũ Phước T. Khi đủ số lượng vải, Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng để Vũ Phước T và Võ Trường P cắt

thành 1000 túi kích Hotshot và 500 túi kích mã BoxShot rồi đưa ra ngoài cho S, S bán cho Nguyễn Thanh P 1000 túi kích mã HotShot và bán cho Phan Văn K 500 túi kích mã BoxShot được số tiền 77.500.000 đồng, số tiền này S chia cho Hoàng Trọng L và Bùi Quang C 3.182.500 đồng, còn lại S chia cho các đồng phạm khác và S tiêu xài.

7. Vụ thứ bảy: Khoảng tháng 9/2011, Lê Vĩnh S kêu Vũ Phước T cắt cho S 1.300 túi kích mã Surge và 300 túi kích mã HotShot nên Vũ Phước T cùng Hoàng Trọng L, Trần Tuấn V, Võ Trường P, Lê D và Bùi Quang C lấy trộm vải trong tổ cắt 2B và 2C với số lượng gồm 87,3 mét vải NY6 1680d BR, 1.953,5 mét vải NY6 210d, 1.179,4 mét vải NY6 42pd SD để cắt túi kích. Sau đó, Vũ Phước T kêu Nguyễn Hồng V vẽ sơ đồ mẫu hàng để Vũ Phước T cắt đủ số lượng 1.300 túi kích mã Surge và 300 túi kích mã HotShot giao cho Phạm Châu K để đem ra ngoài giao cho S. Tuy nhiên, do thời gian này bảo vệ Công ty kiểm tra chặt chẽ hàng hóa ra vào cổng nên Phạm Châu K không dám vận chuyển số túi kích này ra ngoài. Sau đó, S thuê Phạm Tấn An và Võ Trường P vận chuyển túi kích ra ngoài bằng cách quần vải kích vào người để bảo vệ không phát hiện được. Bằng cách này An, Võ Trường P cùng với Nguyễn Hoàng Hưng, Đặng Thanh Lê, Võ Hoài Thanh, Trương Văn Ghi là công nhân Công ty đã mang ra ngoài được 500 túi kích mã Surge và 300 túi kích mã HotShot giao cho S, S bán cho Phan Văn K thu được số tiền 45.000.000 đồng. Riêng 800 cái túi kích còn lại, sợ bị phát hiện nên Lê D kêu Vũ Phước T, Võ Trường P cắt bỏ thành vải vụn phế liệu để tiêu hủy.

Đến tháng 6/2012, vụ việc Lê Vĩnh S và các đồng phạm trộm cắp tài sản của công ty Pungkook Sài Gòn II bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An phát hiện, bắt giữ và khởi tố nên Hoàng Trọng L bỏ trốn. Ngày 13/8/2020 Hoàng Trọng L bị bắt tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định truy nã.

Căn cứ Biên bản kết luận định giá tài sản số 243/BB.ĐG ngày 16/10/2012 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xác định giá trị vải như sau:

- Năm 2010: Vải NY6 1680D có giá 105.638 đồng/mét; vải NY6 1680d BR có giá 110.609 đồng/mét; vải NY6 210d có giá 22.785 đồng/mét; vải NY6 420d có giá 47.641 đồng/mét; vải NY6 420d SD có giá 55.305 đồng/mét; vải POLY 600d có giá: 36.455 đồng/m.

- Năm 2011: Vải NY6 1680D có giá: 125.333 đồng/m; vải NY6 1680d BR có giá: 121.687 đồng/m; vải NY6 210d có giá: 29.396 đồng/m; vải NY6 420d có giá: 58.337 đồng/m; vải NY6 420d SD có giá: 60.843 đồng/m; vải POLY 600d có giá: 43.297 đồng/m.

Như vậy, Hoàng Trọng L cùng đồng phạm thực hiện 07 vụ trộm cắp vải của Công ty có giá trị cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất chiếm đoạt 54m vải NY6 1680d BR, 1.394m vải NY6 210d, 736m vải NY6 420d SD có tổng giá trị tài sản là 78.439.656 đồng;

- Vụ thứ hai chiếm đoạt 45m vải NY6 1680D, 620m vải NY6 210d, 263m vải NY6 420d và 87m vải POLY 600d có tổng giá trị tài sản là 34.581.578 đồng;

- Vụ thứ ba chiếm đoạt 57 mét vải NY6 1680d BR, 18 mét vải NY6 1680D, 719 mét vải NY6 210d, 742 mét vải NY6 420d SD, 105,2 mét vải NY6 420d và 34,8 mét vải POLY 600d có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 71.905.389 đồng.

- Vụ thứ tư chiếm đoạt 17,1 mét vải NY6 1680d BR, 141,3 mét vải NY6 210d, 222,6 mét vải NY6 420d SD có tổng giá trị tài sản là 17.421.827 đồng.

- Vụ thứ năm chiếm đoạt 57m vải NY6 1680d BR, 471m vải NY6 210d, 742m vải NY6 420d SD có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 65.927.181 đồng.

- Vụ thứ sáu chiếm đoạt 45 mét vải NY6 1680D; 57mét vải NY6 1680d BR; 1.091 mét vải NY6 210d, 263mét vải NY6 420d, 742mét vải NY6 420d SD và 87mét vải POLY 600d có tổng giá trị tài sản là 108.902.156.

- Vụ thứ bảy chiếm đoạt 87,3 mét vải NY6 1680d BR, 1.953,5 mét vải NY6 210d, 1.179,4 mét vải NY6 420d SD có tổng giá trị là 139.806.595 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Hoàng Trọng L tham gia cùng đồng phạm trộm cắp của Công ty Pungkook Sài Gòn II là 516.984.382 đồng.

Trong quá trình điều tra Hoàng Trọng L khai L biết việc Vũ Phước T và đồng phạm trộm cắp vải của Công ty Pungkook Sài Gòn II nhưng L không tham gia. Trong giai đoạn truy tố, L khai nhận từ tháng 6/2010 đến đầu năm 2011, L làm công nhân của Công ty Pungkook Sài Gòn II và L tham gia cùng đồng phạm thực hiện 04 vụ trộm cắp vải của Công ty, được chia số tiền 3.450.000 đồng. Đến đầu năm 2012, L được giao chức Tổ trưởng tổ cắt 2C nên L không tham gia trộm cắp tài sản nữa. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Lê Vĩnh S, Vũ Phước T, Trần Tuấn V, Lê D, Võ Trường P, Bùi Quang C cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra đã có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 6/2010 đến tháng 9/2011, L cùng các đồng phạm là Lê Vĩnh S, Vũ Phước T, Trần Tuấn V, Lê D, Võ Trường P, Bùi Quang C ... thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản tại Công ty Pungkook Sài Gòn II với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 516.984.382 đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-P1 ngày 06/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hoàng Trọng L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Tuyên bố bị cáo Hoàng Trọng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng L 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2021 bị cáo Hoàng Trọng L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Trọng L xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo tham gia trộm cắp do làm theo hướng dẫn và chỉ đạo của Bùi Quang C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Trọng L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chỉ tham gia 04 vụ chứ không đồng phạm trong các vụ 3, 5, 6. Việc quy kết các bị cáo với giá trị tài sản là 516.984.382 đồng là chưa chính xác lẽ ra phải xác định cho các bị cáo số tiền ít hơn và xử bị cáo ở khoản 3 điều 173 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo tự bào chữa và nói lời sau cùng và xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Từ tháng 6-2010 đến tháng 9-2011 tại Công ty Pungkook Sài Gòn II ở tại địa chỉ số 2A, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị cáo Hoàng Trọng L cùng các đồng phạm Lê Vĩnh S, Vũ Phước T, Trần Tuấn V, Lê D, Võ Trường P, Bùi Quang C lén lút nhiều lần chiếm đoạt vải của Công ty Pungkook Sài Gòn II bằng cách lấy vải nguyên liệu cắt, may thành ba lô, túi xách sau đó trộn vào hàng của Công ty đưa ra ngoài bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trong đó L tham gia 7 vụ chiếm đoạt vải của Công ty trị giá 516.984.382 đồng và được chia số tiền 3.450.000 đồng. Mặc dù tại cơ quan điều tra, trước phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận chỉ tham gia 4 vụ tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị cáo tham gia chiếm đoạt tài sản 7 vụ. Tại đơn kháng cáo bị cáo cho rằng do thời gian phạm tội đã lâu nên bị cáo quên. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Hoàng Trọng L về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Trọng L và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, doanh nghiệp, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn gây

mất trật tự trị an ở địa phương do đó cần xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Bị cáo phạm tội nhiều lần, nhân thân xấu, sau khi phạm tội đã bỏ trốn và đã bị bắt theo lệnh truy nã, bị cáo khai báo thành khẩn. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Trọng L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Trọng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng L 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/8/2020.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Hoàng Trọng L phải nộp 200.000 đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Bị cáo (1); người bào chữa cho bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3) 12b (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Ba